TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 97/2024/DS-PT
Ngày 04/3/2024
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huờn.

Các thẩm phán: Ông Trần Duy Tuấn và bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 04/3/2024, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 416/2023/TLPT-DS ngày 22/11/2023 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*; Do bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2024/QĐXXPT-DS ngày 03/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐ-PT ngày 24/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2024/QĐ-PT ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ánh H - Có mặt

Địa chỉ: Số 443/11 đường Q, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng T - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt

Bị đơn: Ông Lê Văn T - Có mặt.

Địa chỉ: Số 151 đường K, phường X, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Tiến T- Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hoàng H - Có mặt.

Địa chỉ: Số 443/11 đường Q, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hoàng H: Trợ giúp viên pháp lý Hoàng Thị T, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

2. Bà Đinh Lê Thùy T - Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường B, thị xã H, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Thanh V - Vắng mặt

Địa chỉ: Số 443/15A đường Q, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2022, và quá trình tham gia giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Lê Thị Ánh H trình bày: Quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất 1.060m^2 tại đường hẻm số 443 đường Q, phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu của bố, mẹ bà (là ông Lê Viết L, chết năm 1995; bà Nguyễn Thị Q, chết năm 2002); bố, mẹ bà có 05 người con là Lê Thị Ánh T, Lê Thị Ánh H, Lê Thị Ánh H, Lê Thị Ánh Nga và Lê Thị Ánh Ngọc; Sau khi bố của bà chết, ngày 07/02/1997, mẹ của bà họp các chị em trong gia đình và phân chia diện tích nêu trên cho các con, cụ thể như sau:

Lô đất số 0**1**: Diện tích 178,5m^2 có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 8,5m; chiều dài 21m, được chia cho bà H sử dụng làm nhà thờ cúng tổ tiên.

Lô đất số 0**2**: Liền kề với lô đất số 01, diện tích 178,5m^2 có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 8,5m; chiều dài 21m; dùng để chuyển nhượng, lấy tiền xây dựng nhà thờ cúng tổ tiên; lô đất số 01 và lô đất số 02, hiện tại do bà H quản lý và được nhập vào một thửa, là thửa đất số 210, tờ bản đồ số 05, diện tích 469,9m^2 có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 21,77m.

Lô đất số 0**3**: Liền kề với lô đất số 02, diện tích 233,7m^2 có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 10m; chiều dài 21m; được chia cho bà Ánh Ngọc, nay là thửa đất số 135, tờ bản đồ số 05, hiện tại bà Ngọc đang quản lý, sử dụng.

Lô đất số 0**4**: Liền kề với lô đất số 03, diện tích 188m^2 có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 11m; chiều dài 17m; được chia cho bà Ánh Nga (bà Nga chết năm 2010).

Lô đất số 0**5**: Liền kề với lô đất số 04, diện tích 186m^2 có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 11m; chiều dài 16m; được chia cho bà Ánh T.

Lô đất số 0**6**: Liền kề với lô đất số 05, diện tích 139m^2 có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 09m; chiều dài 15m; được chia cho bà Ánh H.

Tại thời điểm năm 1997, diện tích đất là 1.060m^2 của bố, mẹ bà, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được chia lô đất số 06 nêu trên, gia đình bà sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp; Năm 2022, gia đình bà làm thủ tục đăng ký, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với diện tích đất được chia, thì phát hiện ông Lê Văn T (là chồng N, là em rể bà) lấn chiếm 71,1m^2 đất của bà (thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05). Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông T phải trả lại cho bà 71,1m^2 đất lấn chiếm, thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T.

Trong đơn phản tố ngày 22/10/2022 và quá trình tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lê Văn T trình bày: Ông là chồng bà Lê Thị Ánh N (đã chết năm 2010); năm 1997, bà Nga được mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Q, tặng cho 188m^2 đất tại đường hẻm 443 đường Q, phường T, thành phố T; đúng như bà Lê Thị Ánh H đã trình bày; Năm 1998, bà Ánh T chuyển nhượng cho bà H (ông không nhớ rõ họ, tên đầy đủ) diện tích đất, có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 07m (thuộc lô đất số 05); Cũng trong năm 1998, bà H chuyển lại cho vợ chồng ông diện tích đất nêu trên; Việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông và bà H, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản.

Năm 2001, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Q, diện tích đất, có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 05m (thuộc lô đất số 02) và vợ

chồng ông chuyển đổi diện tích đất này cho bà Ánh T, để lấy diện tích đất của bà T, có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 05m (thuộc lô đất số 05);Việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông và bà Q, việc chuyển đổi đất giữa vợ chồng ông và bà T, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản.

Cũng trong năm 2001, vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà Ánh H diện tích đất, có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q là 04m (thuộc lô đất số 06), liền kề với lô đất số 05; việc chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông và bà H, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản. Đến thời điểm này, vợ chồng ông quản lý, sử dụng hợp pháp diện tích đất thuộc lô đất số 04, số 05 và một phần lô đất số 06, có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q, khoảng 28m.

Sau đó, vợ chồng ông, chuyển nhượng cho vợ chồng ông Tô Văn T, bà Nguyễn Thị Kim H, diện tích đất có chiều ngang giáp đường hẻm 443 đường Q 05m (trong đó, có 04m chiều ngang giáp đường, mà vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của bà H và 01m chiều ngang giáp đường, thuộc lô đất số 05); vợ chồng ông T sử dụng đất một thời gian, sau đó chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất này, cho vợ chồng bà H.

Năm 2005, vợ chồng ông chuyển nhượng cho bà H, diện tích đất có chiều ngang giáp đường là 3,5m (thuộc lô đất số 05); việc chuyển nhượng đất, được thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản.

Quá trình sử dụng diện tích đất nêu trên, năm 2001, vợ chồng ông làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thành phố T, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 06/12/2005, là thửa đất số 92C, tờ bản đồ số 05, diện tích 691,5m^2. Ngày 13/10/2015, UBND thành phố T, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông (nay là thửa đất số 134), diện tích 665,9m^2.

Do diện tích đất của bà H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T (có chiều ngang giáp đường 05m) và diện tích đất bà H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông (có chiều ngang giáp đường 3,5m) nằm trong thửa đất số 134 và chưa được tách thửa, đầu năm 2016, ông cho bà H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, làm thủ tục tách thửa, đối với diện tích đất của bà H là thửa đất số 178, tờ bản đồ số 05, diện tích 145,9m^2. Sau khi tách thửa, ngày 23/3/2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông, đối với thửa đất số 134 là 520m^2 và thửa đất số 178 là 145,9m^2. Để hợp thức hóa việc bà H sử dụng thửa đất số 178 và bà H nhờ cháu gái là Đinh Lê Thùy T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên ngày 14/4/2016, ông đã làm thủ tục chuyển nhượng cho bà T thửa đất số 178 nhưng thực tế bà H là người sử dụng thửa đất này; Sau đó, bà H nhờ bà T tách thửa đất số 178 thành 02 thửa, là thửa đất số 197, diện tích 72,9m và thửa đất số 198, diện tích 73m^2; Sau đó, bà H chuyển nhượng thửa đất số 197 cho bà Hoàng Thị N; bà Ngọc chuyển nhượng lại thửa đất số 197 cho ông Nguyễn Thanh V; hiện tại, bà H đang sử dụng thửa đất số 198, ông V đang sử dụng thửa đất số 197. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình sử dụng thửa đất số 198, vợ chồng bà Ánh H, ông Hoàng H đã lấn chiếm sang thửa đất số 134 của gia đình ông 11,2m^2 đất; năm 2021, gia đình ông xây dựng nhà ở trên thửa đất số 134, thì vợ chồng ông H, bà H cản trở gia đình ông

xây dựng nhà ở. Vì vậy, ông phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hoàng H và bà Lê Thị Ánh H, phải chấm dứt hành vi cản trở ông, thực hiện quyền sử dụng đất, theo quy định của pháp luật, đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T; Buộc ông H và bà H, phải trả lại cho ông diện tích đất lấn chiếm 11,2m^2 hình tam giác có tứ cận: hướng Đông, giáp đất của ông H, bà H có cạnh dài 2,5m; hướng Nam là đỉnh tam giác của diện tích đất lấn chiếm, tiếp giáp với đường ranh giới giữa thửa đất số 198 và thửa đất số 134; hướng Bắc giáp thửa đất số 198, có cạnh dài 9,1m; hướng Nam giáp thửa đất số 134, có cạnh dài 09m.

Quá trình tham gia giải vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng H trình bày: Ông là chồng bà Lê Thị Ánh H; ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Quá trình tham gia giải vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đinh Lê Thùy T trình bày: Bà là cháu của bà Ánh H; bà H nhờ bà đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 197 và thửa đất số 198, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T; bà H là người sở hữu quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 197 và 198; Ngày 06/12/2016, bà H nhờ bà làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 197, cho bà Hoàng Thị N; Hiện tại, bà H đang quản lý, sử dụng thửa đất số 198, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Quá trình tham gia giải vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh V trình bày: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, đối với thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T, thuộc quyền sở hữu của ông, có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng của bà Hoàng Thị N vào năm 2019.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 191/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của TAND thành phố Buôn Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã áp dụng: Điều 4, Điều 5, Điều 6, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 70, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266 BLTTDS; Điều 14, Điều 163, Điều 164, Điều 166 BLDS; Điều 166, Điều 168, Điều 170, Điều 203 Luật đất đai.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H về việc buộc ông Lê Văn T phải trả lại cho bà, diện tích đất lấn chiếm 71,1m^2 thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk và khôi phục lại tình trạng ban đầu, theo biên bản phân chia đất của gia đình ngày 07/02/1997; Thửa đất số 197, có tứ cận: hướng Đông giáp đất của bà Phượng, có cạnh dài 4,92m; hướng Tây giáp đường hẻm, có cạnh dài 05m; hướng Bắc giáp thửa đất số 133, có cạnh dài 14,34m; hướng Nam giáp thửa đất số 198, có cạnh dài 14,35m.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn T, quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2023, nguyên đơn là bà Lê Thị Ánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng H, có đơn kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án, đến khi mở phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết

vụ án. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị Ánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng H, VKSND tỉnh Đắk Lắk xét thấy: Bà H khởi kiện cho rằng ông Lê Văn T lấn chiếm 71,1m^2 đất của bà, thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T, là không có căn cứ. Bởi lẽ, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 197 là của bà H nhưng bà H nhờ cháu gái là Đinh Lê Thùy T, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2018, bà H đã chuyển nhượng thửa đất số 187 cho bà Hoàng Thị N. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người kháng cáo, không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, còn trong hạn luật định, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị Ánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng H, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự: Thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05, diện tích ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 72,9m^2 (diện tích đo đạc thực địa 71,1m^2) tại phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, có nguồn gốc được tách ra từ thửa đất số 178, tờ bản đồ số 05, diện tích 145,9m^2. Quá trình tham gia giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận thửa đất số 178, có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của bà H và gia đình bà H sử dụng đất ổn định từ năm 2005 và không có tranh chấp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Thửa đất số 178 của gia đình bà H, liền kề với thửa đất số 134 của gia đình ông T; Năm 2001, gia đình ông T kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 134 và được UBND thành phố T, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào ngày 06/12/2005 và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 02 vào ngày 13/10/2015, với diện tích 665,9m^2, bao trùm lên diện tích thửa đất số 178 của bà H; Để hợp thức hóa, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với thửa đất số 178, năm 2016, ông T tách thửa đất số 134 thành 02 thửa, là thửa đất số 134 với diện tích 520m^2 và thửa đất 178 với diện tích 145,9m^2. Do bà H nhờ cháu gái là Đinh Lê Thùy T, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 178, nên ngày 14/4/2016, ông T làm thủ tục chuyển nhượng cho bà T thửa đất số 178 nhưng thực tế bà H là người quản lý, sử dụng thửa đất số 178.

Năm 2018, bà H tách thửa đất số 178 thành 02 thửa, là thửa đất số 197, diện tích 72,9m^2 và thửa đất số 198, diện tích 73m^2; ngày 06/12/2018, bà H chuyển nhượng thửa đất số 197 cho bà Hoàng Thị N; Năm 2019, bà Ngọc chuyển nhượng thửa đất số 197 cho ông Nguyễn Thanh V.

Như vậy, quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 197, có nguồn gốc là của bà H và bà H đã chuyển nhượng cho bà Ngọc; Việc bà H khởi kiện cho rằng ông Lê Văn T lấn chiếm 71,1m^2 đất thuộc thửa đất số 197 của bà, là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc: Buộc ông T phải trả lại cho bà 71,1m^2 đất lấn chiếm, thuộc thửa đất số 197, là đúng với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng H và bà Lê Thị Ánh H, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng H và bà Lê Thị Ánh H là người cao tuổi, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H, bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là bà Lê Thị Ánh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng H; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được ký kết ngày 06/12/2018, giữa bà Đinh Lê Thùy T và bà Hoàng Thị N, đối với thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H về việc buộc ông Lê Văn T phải trả lại cho bà, diện tích đất lấn chiếm 71,1m^2 thuộc thửa đất số 197, tờ bản đồ số 05, tại phường T, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk và khôi phục lại tình trạng ban đầu, theo biên bản phân chia đất của gia đình ngày 07/02/1997; Thửa đất số 197, có tứ cận: hướng Đông giáp đất của bà Phượng, có cạnh dài 4,92m; hướng Tây giáp đường hẻm, có cạnh dài 05m; hướng Bắc giáp thửa đất số 133, có cạnh dài 14,34m; hướng Nam giáp thửa đất số 198, có cạnh dài 14,35m.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng H và bà Lê Thị Ánh H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Huờn